

LOGIC TRONG NGÔN NGỮ

HUỲNH THANH TRIỀU*

TÓM TẮT

Giữa logic của thế giới khách quan và các quy tắc của ngôn ngữ không thể không có một mối liên hệ. Điều đó giải thích tại sao có những cách nói được chấp nhận, một số khác thì không, dù đó là ngôn ngữ nào. Tiếng Việt là đối tượng đầu tiên cần được xem xét trên phương diện này, nếu chúng ta quan tâm đến tiếng mẹ đẻ.

Từ khóa: logic, thế giới khách quan, cú pháp, quy tắc, vi phạm.

ABSTRACT

The logic in language

There is an undeniable link between the logic of the objective world and the rules of language. This explains the reason why some expressions are acceptable while others are not, no matter what the language is. Vietnamese is the first one to be examined in this way, if we are interested in our mother tongue.

Keywords: logic, objective world, syntax, rules, violation.

Một logic mang tính phổ quát trên bình diện nhân loại là điều gần như bị bác bỏ ngay trong các câu chuyện ngôn ngữ. Người ta sẽ nói: “Mỗi ngôn ngữ có logic riêng của nó” và “Không thể lấy quy tắc của ngôn ngữ này để áp đặt cho ngôn ngữ khác”. Song, có lẽ đây là một trong những sơ hở lớn nhất của những người quan tâm đến lĩnh vực ngôn ngữ học.

Chúng ta sẽ nhanh chóng đồng ý với nhau rằng việc người Việt nói *Đợi tôi với*, trong khi người Anh nói *Wait for me* là chuyện không đáng bàn, bởi vì bỏ ngữ trực tiếp hay bỏ ngữ gián tiếp là chuyện tư duy của mỗi cộng đồng, và chung quy cú pháp chỉ là quy ước.

Nhưng mọi việc không hoàn toàn như vậy.

Nằm ngoài ý muốn của con người, dù người đó thuộc cộng đồng nào, có một

loạt mô hình tư duy được quy định sẵn bởi lí lẽ của bản thân cuộc sống mà bất kì ngôn ngữ nào cũng phải tuân theo, nếu nó muốn “luận” một cách chính xác những điều xảy ra xung quanh. Những lí lẽ đó là nền tảng chung cho tất cả các dân tộc, cho phép các cộng đồng dân tộc giao tiếp với nhau khi các thông điệp được chuyển ngữ. Nghe có vẻ vô lí, song đó là một điều đáng suy ngẫm. Đó là những lí lẽ nào?

Thế giới khách quan là một hệ thống. Trong cái hệ thống đó có các sự vật, có những tính chất của sự vật, có những chuyển động, cung cách của chuyển động, có không gian, thời gian, và đặc biệt giữa các sự vật và sự việc có những mối quan hệ mang tính biện chứng, không do con người tạo ra. Với đặc thù của một hệ thống, tự thân cuộc sống đã NÓI về bản thân nó, thông qua cái CÚ PHÁP giữa vạn vật đang tồn tại trong lòng bản thân nó. Khi con người

* TS, nguyên GV chính
Trường Đại học Sư phạm TP HCM

cảm nhận những quy luật của hệ thống nói trên, và tìm cách phản ánh chúng qua hành động NÓI của mình, CÚ PHÁP của anh ta hoàn toàn không phải là một thứ “quy ước” như người ta vẫn khẳng định. Trên thực tế, nó bị chi phối rất nhiều bởi thế giới bên ngoài, và sứ mạng muôn thuở của nó chính là tìm cách “cóp-py” cái logic của thế giới bên ngoài để đừng “nói sai”, dù nó làm điều đó một cách hoàn hảo hay không. Sẽ rất đáng ngạc nhiên nếu giữa logic của cuộc sống và logic của ngôn ngữ không có một mối liên hệ nào, và các quy tắc cú pháp là một loại sản phẩm hoàn toàn do con người nghĩ ra. Xin nêu một vài ví dụ.

Lí lẽ của cuộc sống không cho phép chúng ta kết nối một cách bình đẳng một sự vật và một tính chất: *Tôi đã mua một cuốn tiểu thuyết và rất hay*. Nó không cho phép chúng ta so sánh một tính chất với một cung cách hành động: *Cái xe của tôi đắt tiền hơn rất nhanh*. Nó không cho phép chúng ta đặt giả thuyết rồi nhượng bộ: *Nếu thời tiết tiếp tục xấu, dù cho trời mưa*. Nó không cho phép chúng ta nhượng bộ rồi nêu mục đích: *Dù thế nào đi nữa, để làm sao nó thi đậu đại học*. Và nó không cho phép chúng ta hình thành một suy nghĩ mà trong đó chỉ có thành phần phụ, không có thành phần chính: *Đến nỗi nhiều khán giả bỏ về giữa chừng*. Lí lẽ của cuộc sống chỉ cho phép chúng ta kết nối một sự vật với một sự vật, một tính chất với một tính chất: *Tôi đã mua một cuốn tiểu thuyết và một bưu ảnh/ Đây là một câu chuyện cảm động và rất hay*. Một tính chất chỉ có thể được so sánh với một tính chất, một cung cách

hành động với một cung cách hành động: *Cái xe của tôi đắt tiền hơn cái xe của anh ấy/ Cái xe của anh ấy chạy nhanh hơn cái xe của tôi*. Một giả thuyết chỉ có thể được tiếp nối bởi một hệ quả, một sự nhượng bộ phải đi đôi với một thông báo có tính đối kháng: *Nếu thời tiết tiếp tục xấu, chuyến bay sẽ bị hủy/ Dù thế nào đi nữa, nó phải vào đại học*. Và một suy nghĩ trọn vẹn phải có thành phần chính, tạo điều kiện cho sự xuất hiện của những thành phần phụ: *Vở kịch dở đến nỗi nhiều khán giả bỏ về giữa chừng*.

Chắc chắn, những quy tắc nêu trên sẽ cho chúng ta cảm giác rằng chúng quá hiển nhiên, và “làm sao mà có thể vi phạm?”. Cảm giác đó không sai, nhưng điều đó chỉ càng chứng minh rằng tư duy logic không xuất phát từ ý chí của con người, không phải là sản phẩm của cú pháp, mà là một sự áp đặt của bản thân cuộc sống. Con người, dù màu da và cội nguồn của anh ta là gì, vĩnh viễn đứng ở vị trí của kẻ tiếp nhận lí lẽ của thế giới xung quanh, và bị “ép” phải diễn đạt những lí lẽ đó trong chiều sâu ngữ nghĩa. Còn cái phần mang tính quy ước, kết quả của trí tưởng tượng của anh ta, chỉ là bề mặt của ngôn từ và gần như không có gì đáng bàn.

Vậy, vấn đề được đặt ra ở đây là gì ?

Vấn đề là ở chỗ, mặc cho một sự hiển nhiên hay một sức ép nào đó đến từ thế giới bên ngoài, cảm nhận của con người về logic đôi khi vẫn “không tới”, vì vậy nhiều nguyên tắc của logic vẫn bị vi phạm, thậm chí bị vi phạm trên bình diện rộng, đến mức trở thành đường mòn trong ngôn ngữ, và một sự thay đổi là

không dễ dàng. Tiếng Việt có thể được lấy làm ví dụ.

a. Chủ ngữ

Với một chức năng không khó cảm nhận, chế độ cú pháp của chủ ngữ lại bị vi phạm nhiều nhất. Cách nói *Thông qua những hoạt động này đã cho thấy...* được sử dụng phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng, và là đề tài (đàm tiếu) cho nhiều câu chuyện ngôn ngữ. Ở đây, giới từ *thông qua* không cho phép chúng ta nhìn *những hoạt động này* như chủ ngữ, vì chủ ngữ là một thành phần không thể có giới từ đứng trước nó. Song những gì nối tiếp trong câu buộc người ta nhìn cụm danh từ này không khác gì chủ ngữ, vì không còn thành phần nào khác có thể chi phối vị ngữ *đã cho thấy*. Kết quả là người nghe phải chấp nhận một thái độ nước đôi: hoặc phải gán vai trò chủ ngữ, một cách bất đắc dĩ, cho cụm từ *Thông qua những hoạt động này*, hoặc phải quan niệm rằng chủ ngữ của *đã cho thấy* hoàn toàn khuyết, và người nghe phải tự đi tìm “danh tánh” của nó. Tương tự cách nói trên, chúng ta có thể bắt gặp: *Với phương pháp này đã giúp cho hàng trăm hộ nông dân tăng năng suất cây trồng/ Nhờ những sáng kiến kỹ thuật đã cho phép xí nghiệp giảm lượng điện tiêu thụ...* Nếu tôn trọng vai trò tự nhiên của chủ thể và chế độ cú pháp của chủ ngữ, chúng ta phải nói: *Những hoạt động này đã cho thấy...* hay *Thông qua những hoạt động này, chúng ta có thể thấy.../ Với phương pháp này, hàng trăm hộ nông dân đã tăng năng suất cây trồng, hay Phương pháp này đã giúp cho hàng trăm hộ nông dân tăng năng suất cây trồng...*

b. Giữa X và Z

Nếu cho một chuỗi XYZ và chúng ta phải xác định vị trí của Y, chúng ta sẽ không lưỡng lự và nói rằng *Y nằm giữa X và Z*. Giá trị ngữ nghĩa của giới từ *giữa*, trong trường hợp này, dường như không đặt ra vấn đề: *giữa* là một kiểu định vị đòi hỏi sự liệt kê đối với những thành phần liên quan. Bên cạnh đó, nó không nhắc gì đến quan hệ của X với Z và của Z với X. Vì vậy, sau *giữa*, cách nói *X và Z* là cách nói đúng. Nhưng trên thực tế, mọi việc không diễn ra như vậy. Nếu các thành phần của cấu trúc trên không phải là các kí hiệu XYZ, mà là một danh từ hay một cụm danh từ, ngay lập tức và bị biến thành *với*, một lỗi rất phổ biến trong cách nói của người Việt: *Trận đấu giữa đội Đồng Tâm Long An với đội Đà Nẵng/ Mối quan hệ giữa nhà trường với gia đình/ Cán cân lực lượng giữa quân chính phủ với phe nổi dậy...* (Trên các phương tiện thông tin đại chúng, chúng ta còn có thể bắt gặp một cách nói hết sức lạ lẫm: *Trận đấu giữa đội Đồng Tâm Long An gặp đội Đà Nẵng*). Nếu chúng ta tôn trọng cú pháp và trao cho nó cái quyền được “quy ước”, chúng ta phải thấy rằng trong tiếng Việt, và đã được quy định một cách cơ bản như liên từ, *với* như giới từ. Mặc dù trong một số ngữ cảnh, và - *với* có thể hoán vị, đặc tính đó không thể là bao trùm, vì trong bản thân tư duy logic, “kết nối” (chức năng của liên từ) và “tạo quan hệ” (chức năng của giới từ) là hai động thái tâm lí rất khác nhau, không thể bị đồng hóa. Trong trường hợp mà chúng ta xem xét ở đây, như đã nêu trên, sau khi xác định vị trí của Y là “ở

giữa”, hành động còn lại là “liệt kê” những thành phần xung quanh. Và “liệt kê” thì dẫn đến “kết nối”, chứ không dẫn đến “tạo quan hệ”. Vì vậy, cách nói đúng trong tình huống này phải là và, chứ không phải với: *Trận đấu giữa đội Đồng Tâm Long An và đội Đà Nẵng/ Mỗi quan hệ giữa nhà trường và gia đình/ Cán cân lực lượng giữa quân chính phủ và phe nổi dậy.* Những trường hợp cấu trúc giữa... và... được sử dụng một cách nghiêm ngặt là không nhiều, và chúng ta có thể thấy điều đó qua muôn vàn thông điệp mà chúng ta vẫn tiếp nhận hàng ngày.

c. Không những (không chỉ)... mà (còn)...

Cấu trúc gồm hai vế song song này, vốn không khác nhiều so với liên từ và, buộc chúng ta đưa ra những thành phần có cùng chức năng sau mỗi cụm từ *không những* và *mà còn*: hoặc cùng là chủ ngữ, hoặc cùng là vị ngữ, hoặc cùng là bổ ngữ, hoặc cùng một dạng câu: *Không những thanh niên xung phong mà học sinh các trường phổ thông cũng tham gia vào hoạt động này/ Cô ấy không những am hiểu nhạc cổ điển, mà còn am hiểu các dòng nhạc hiện đại/ Không những nó đi lạc đường, mà nó còn bị mất xe nữa...* Trên lý thuyết, sự cân đối về chức năng được đề cập ở đây dễ dàng được công nhận. Song trên thực tế, nó thường xuyên bị vi phạm, nhất là khi hai vế cần được nêu ra là hai mệnh đề hoàn chỉnh. Những câu nói như sau là không hiếm: *Cô ấy không những am hiểu nhạc cổ điển, mà các dòng nhạc hiện đại cũng hết sức quen thuộc đối với cô ấy/ Không những người ta trông cả phê mà hàng trăm héc-ta còn*

được dành cho việc trồng tiêu/ Nhân viên này không chỉ vắng mặt thường xuyên mà lãnh đạo công ti còn phải nhận những lời than phiền của khách hàng về anh ta...

d. Tính động từ và trạng động từ

Để diễn đạt tính chất của một con người hay một sự vật, chúng ta sử dụng tính từ. Để thể hiện cung cách của hành động, chúng ta dùng trạng từ. Song, có những trường hợp tính chất của sự vật hay cung cách của hành động mà người nói muốn nêu ra không có tính từ và trạng từ ở dạng cố sẵn. Trong trường hợp đó, một trong những phương cách mà người ta tìm đến, đó là cấu trúc tính động từ và trạng động từ. Những cấu trúc này được người nói xây dựng “tại chỗ”, bằng cách sử dụng một động từ và bổ ngữ của nó trong vai trò tính ngữ (hay trạng ngữ) để bổ nghĩa cho chủ ngữ (hay vị ngữ) ở mệnh đề theo sau. Đặc điểm của cấu trúc này là không có chủ ngữ riêng, vì vậy nó không hình thành một mệnh đề hoàn chỉnh. Sau đây là một vài ví dụ về tính động từ: *Xuất thân từ một gia đình giàu có, cô ấy lại chọn lối sống giản dị/ Có vẻ khó tính, ông sếp của chúng tôi lại là một người rất hài hước/ Hết lòng vì việc thiện, đôi khi họ không tránh khỏi những cái nhìn ngờ vực.* Và một số ví dụ về trạng động từ: *Vào sân ở phút 80, cầu thủ này đã ghi hai bàn cho đội nhà/ Xuất phát không được tốt, anh ấy lại về nhất chặng/ Gõ cửa khắp nơi, tôi chỉ nhận được những cái lắc đầu.* Vốn không phải là một mệnh đề hoàn chỉnh, chỉ đóng vai trò tính ngữ hay trạng ngữ, loại cấu trúc này không thể được kết nối một cách bình đẳng với một mệnh đề hoàn

chỉnh bằng các liên từ *nhưng, song* hay *tuy nhiên*, không khác gì việc một tính chất không thể kết nối với một sự vật, vấn đề mà chúng tôi đã nêu ở đầu bài viết này. Vì vậy, những cách nói như sau là không logic: *Xuất thân từ một gia đình giàu có, nhưng cô ấy lại chọn lối sống giản dị/ Có vẻ khó tính, song ông sếp của chúng tôi lại là một người rất hài hước/ Hết lòng vì việc thiện, tuy nhiên đôi khi họ không tránh khỏi những cái nhìn ngờ vực/ Vào sân ở phút 80, nhưng cầu thủ này đã ghi hai bàn cho đội nhà/ Xuất phát không được tốt, song anh ấy lại về nhất chặng/ Gõ cửa khắp nơi, tuy nhiên tôi chỉ nhận được những cái lắc đầu.* Đáng tiếc, cách nói này có một tần số xuất hiện rất lớn.

Trường hợp duy nhất mà tính động từ hay trạng động từ chấp nhận *nhưng* đi sau, đó là khi *nhưng* dẫn dắt một tính động từ hay một trạng động từ khác, có nội hàm đối kháng với nội dung đã được nêu trước đó: *Xuất thân từ một gia đình giàu có, nhưng chịu một sự giáo dục nghiêm khắc, cô ấy đã chọn lối sống giản dị/ Vào sân ở phút 80, nhưng thi đấu với một ý chí phi thường, cầu thủ này đã ghi hai bàn cho đội nhà.*

e. Chuyện gì phải đến sẽ (đang, đã) đến

Đây là ví dụ điển hình cho logic của Tạo hóa. Trong thành ngữ (mang tính ngoại lai) này, về thứ nhất - *cái gì phải đến* - được dành để nói về quy luật của cuộc sống. Vì mang tính quy luật, nó không chứa phạm trù thời gian như tâm điểm của câu nói: *phải đến* có giá trị ở bất kỳ thời điểm nào. Về thứ hai của của

thành ngữ - *sẽ (đang, đã) đến* - nói về một sự việc cụ thể của cuộc sống, và sự việc đó sẽ (đang hay đã) xảy ra theo đúng quy luật đã nêu. Vì nói về một sự việc cụ thể, về thứ hai chứa phạm trù thời gian và chỉ ra thời điểm của sự việc. Nếu diễn giải thành ngữ này, nó có nghĩa là: *Có một quy luật của cuộc sống sẽ (đang, đã) diễn ra, thông qua một sự việc cụ thể, hay Có một việc cụ thể sẽ (đang, đã) xảy ra theo đúng quy luật của cuộc sống.* Với nghĩa đó, cách nói *Chuyện gì phải đến sẽ (đang, đã) đến* là hợp lí. Tuy nhiên, vì một lí do không dễ xác định, nội hàm này được người Việt diễn đạt dưới dạng *Chuyện gì đến phải đến*, một cách nói không đúng với nguồn gốc của nó và hoàn toàn “lệch” so với logic.

f. Mặc dù...

Mặc dù là một liên từ đi trước mệnh đề phụ chỉ sự nhượng bộ. Về ngữ nghĩa, nó báo hiệu rằng có một sự đối kháng đã bị triệt tiêu. Cụ thể: sự việc được nêu trong mệnh đề phụ không cản trở được sự việc của mệnh đề chính. Một khi sự đối kháng đã bị triệt tiêu, chúng ta không còn lí do gì để nói *nhưng*, vốn là một liên từ chỉ được dùng khi có đối kháng. Nếu dùng *nhưng*, chúng ta sẽ rơi vào mâu thuẫn, vì một mặt chúng ta triệt tiêu sự đối kháng, mặt khác vẫn duy trì nó. Thậm chí, điều đó có thể tạo ra một thứ “đối kháng của đối kháng”. Vì vậy, chế độ cú pháp hợp lí của *mặc dù* là không có *nhưng*: *Mặc dù An đã làm hết sức mình, nó chỉ đạt được một kết quả trung bình/ Mặc dù điều kiện thời tiết không thuận lợi, người ta đã phóng thành công con tàu vũ trụ.* Để kiểm tra sự cần thiết của

nhưng trong một câu nói có quan hệ nhượng bộ, chúng ta có thể làm một thí nghiệm: đặt mệnh đề chính lên đầu câu. Khi đó, cách nói đúng là *An chỉ đạt được một kết quả trung bình, mặc dù nó đã làm hết sức mình/ Người ta đã phóng thành công con tàu vũ trụ, mặc dù điều kiện thời tiết không thuận lợi*. Không ai nói *Nhưng An chỉ đạt được một kết quả trung bình, mặc dù nó đã làm hết sức mình/ Nhưng người ta đã phóng thành công con tàu vũ trụ, mặc dù điều kiện thời tiết không thuận lợi*. Rõ ràng, trong một câu nói có quan hệ nhượng bộ, *nhưng* không phải là thành phần bắt buộc, và không cùng với *mặc dù* tạo thành một cặp liên từ không thể tách rời. Theo một thói quen nào đó, chúng ta có thể cảm thấy cần nêu ra sự đối kháng giữa hai sự việc mà mình đang trình bày. Khi đó, việc dùng *nhưng* là hoàn toàn có thể, với điều kiện không dùng *mặc dù*, nếu chúng ta không muốn rơi vào tình trạng mâu thuẫn đã nêu trên: *An đã làm hết sức mình, nhưng nó chỉ đạt được một kết quả trung bình/ Điều kiện thời tiết không thuận lợi, nhưng người ta đã phóng thành công con tàu vũ trụ*. Vậy, công thức cho diễn đạt quan hệ nhượng bộ là: có *mặc dù* thì không có *nhưng*, có *nhưng* thì không có *mặc dù*. Tuy nhiên, đây sẽ là một trong những điểm gai góc nhất của cú pháp tiếng Việt, vì những lí lẽ nêu trên chưa hẳn đã được nhiều người chia sẻ, và một sự thay đổi sẽ rất khó khăn. Trong những câu chuyện hàng ngày, một cách có hệ thống, chúng ta vẫn nghe: *Mặc dù An đã làm hết sức mình, nhưng nó chỉ đạt được một kết quả trung bình/ Mặc dù điều kiện thời tiết không*

thuận lợi, nhưng người ta đã phóng thành công con tàu vũ trụ.

g. Mời... hãy...

Mời là một động từ thuộc nhóm ngôn trung (illocutionary). Khi chúng ta nói *tôi mời, chúng tôi mời*, chúng ta không chỉ tường thuật hành động phát ngôn của mình, mà đồng thời chúng ta còn thực hiện hành động “mời”, một cử chỉ mang tính xã giao, và chúng ta phải chịu trách nhiệm về hành động đó. Với đặc điểm này, một câu nói có *mời* không khác gì một thông điệp mang tính cầu khiến được bắt đầu bằng *hãy*. Cụ thể, *Tôi mời các bạn phát biểu cảm tưởng* không khác gì *Các bạn hãy phát biểu cảm tưởng*. Vì vậy, khi chúng ta đã nói *mời*, sau đó lại nói *hãy*, đó là một cách nói thừa. Bên cạnh đó, phải thấy rằng *hãy* là một dạng cầu khiến trực tiếp, không có khả năng dẫn dắt một mệnh đề phụ trong lòng một cấu trúc lớn hơn, tức không thể tạo ra một sự cầu khiến dưới dạng gián tiếp. Song, trên thực tế, cách nói vừa thừa vừa sai này rất phổ biến, và những người làm công việc dẫn chương trình (MC) là những người mắc lỗi nhiều nhất: *Chúng tôi trân trọng mời đồng chí trưởng ban tổ chức hãy bước lên sân khấu/ Xin mời bạn hãy trở về vị trí của mình...* Và còn có một cách nói khác, phức tạp hơn, cũng thường được nghe thấy từ những người dẫn chương trình: *Tôi xin mời các bạn chúng ta hãy vỗ tay chào mừng sự xuất hiện của ca sĩ...* Cách nói đúng trong những tình huống này là: *Chúng tôi trân trọng mời đồng chí trưởng ban tổ chức bước lên sân khấu/ Xin mời bạn trở về vị trí của mình/ Xin*

mời các bạn vỗ tay chào mừng sự xuất hiện của ca sĩ..., hay Bạn hãy trở về vị trí của mình/ Các bạn hãy vỗ tay chào mừng sự xuất hiện của ca sĩ.../ Chúng ta hãy vỗ tay chào mừng...

Tương tự, những cách nói sau đây cũng cần được xét lại: *Tôi mong anh hãy cân nhắc trước khi quyết định/ Ông ấy yêu cầu mọi người phải tôn trọng giờ giấc làm việc/ Đề nghị các bạn nên tôn trọng những phong tục tập quán của người dân địa phương.*

h. Xuất sắc

Bất kỳ ngôn ngữ nào cũng có những tính từ ở dạng tuyệt đối. Trong tiếng Việt, *xuất sắc* là một tính từ như vậy. Với giá trị ngữ nghĩa của mình, một tính từ ở dạng tuyệt đối không thể được nhân mạnh, không thể bị đặt vào dạng so sánh tương đối, và không thể bị “tuyệt đối hóa” một lần nữa. Ví dụ, chúng ta không thể nói *rất xuất sắc, xuất sắc hơn, hay xuất sắc nhất*. Tuy nhiên, đó lại là những cách nói phổ biến trong tiếng Việt: *Lần này anh ấy đạt một kết quả rất xuất sắc, xuất sắc hơn tôi. Nhưng đồng đội của tôi mới là người đạt kết quả xuất sắc nhất*. Diễn đạt theo cách này, vô tình chúng ta ngụ ý *rất nhất, nhất hơn, nhất nhất*, một kiểu tư duy chắc chắn không thể tồn tại ở cộng đồng ngôn ngữ nào, vì sự vô lí đã thuộc về phạm trù logic. Vì vậy, để tuyệt đối hóa một tính chất, chúng ta phải chọn một tính từ không ở dạng tuyệt đối (*giỏi, hay, tốt...*): *Lần này anh ấy đạt một kết quả rất tốt, tốt hơn tôi. Nhưng đồng đội của tôi mới là người đạt kết quả tốt nhất*.

Xung quanh điểm này, chúng ta có thể suy nghĩ thêm về những tính từ như

tuyệt vời, tuyệt hảo, tuyệt đỉnh, xuất chúng, vô song, siêu việt, thượng hạng, lỗi lạc...

i. Khác nhau

Nghĩa của tính từ *khác nhau* cho thấy một điều: nó chỉ có thể được dùng nếu đối tượng được nói đến ở số nhiều. *Họ có những sở thích khác nhau/ Chúng tôi đã đưa ra những ý kiến khác nhau/ Bạn bè tôi có những số phận khác nhau*. Nếu đối tượng được nói đến ở số ít, tính chất *khác nhau* không có lí do gì để được nêu ra và tính từ này không thể xuất hiện. Điều này có vẻ hiển nhiên, nhưng trên thực tế việc người ta sử dụng *khác nhau* để bổ nghĩa cho một danh từ ở số ít là rất phổ biến: *Mỗi người có một sở thích khác nhau/ Mỗi người có một ý kiến khác nhau/ Mỗi người có một số phận khác nhau*. Thay vì *khác nhau*, trong trường hợp này, chúng ta nên dùng tính từ *riêng* hay *của mình*: *Mỗi người có một sở thích riêng/ Mỗi người có ý kiến riêng của mình/ Mỗi người có số phận của mình*.

j. Một số trường hợp khác

Chúng tôi bỏ qua các trường hợp *cảm không được* và *đi khám bác sĩ*, vì cái sai của những cách nói này đã được nhận diện, và đã có những cố gắng trong việc diễn ngôn chính xác hơn hành động *cảm* và hành động *đi khám bệnh*. Song, bên cạnh những cách nói trên, vẫn tồn tại một số khác không thật sự chặt chẽ, cả về cú pháp, cả về ngữ nghĩa. Nếu không được phát hiện, chúng sẽ lại trở thành những công thức “có vấn đề” trong tiếng Việt. Xin nêu một vài ví dụ:

Những gia đình thiếu đời.

Theo tôi, tôi nghĩ là...

Đối với tôi, tôi cho rằng...

Theo em nghĩ là...

Như quý vị đã biết là...

Ước mơ mai sau của em là gì ?

Nhớ về những kỉ niệm.

Mục đích của hoạt động này là nhằm vào...

Nguyên nhân của sự việc này xuất phát từ...

Nguồn thông tin này là từ...

Thông tin về dự báo thời tiết.

Tình trạng bỏ học đã có khá hơn.

...

Kết luận

Con đường đi từ thế giới bên ngoài đến ngôn ngữ của loài người là một con đường bí ẩn. Nó chứa đựng những yếu tố khách quan lẫn những yếu tố thuộc về người phát ngôn, và khó có thể xác định một cách chính xác đâu là ranh giới giữa hai bên. Song, sự áp đặt của thế giới bên ngoài đối với ngôn ngữ của loài người là điều không thể phủ nhận. Không thể có việc con người là một thành phần hữu cơ của thế giới nhưng ngôn ngữ của anh ta chẳng có liên quan gì đến cái thế giới ấy. Tính võ đoán của ngôn ngữ là hiện tượng có thật, nhưng nó có bình diện của riêng nó. Còn tính logic của ngôn ngữ cũng là một hiện tượng có thật nhưng thuộc về một bình diện khác. Ai đó sẽ nói: *Con bão đã tàn phá ngôi làng* hay *Ngôi làng đã bị cơn bão tàn phá* là tùy theo cách nhìn của người phát ngôn, và rằng thực tế luôn luôn “khách quan”, nó chẳng bao giờ “nói” gì hết. Điều này chỉ đúng trên phương diện biểu đạt của ngôn ngữ, còn

trong bản chất của sự việc, *Con bão đã tàn phá ngôi làng* hay *Ngôi làng đã bị cơn bão tàn phá* đều thuộc về thế giới khách quan, không có thực tế nào phụ thuộc vào cái nhìn của con người, và không bao giờ con người có thể biến thực tế đó thành *Con bão đã làm đẹp ngôi làng* hay *Ngôi làng đã được cơn bão làm đẹp*, với lí do “mình có quyền nhìn sự việc theo cách của riêng mình”.

Hiển nhiên, các ngôn ngữ trên thế giới không giống nhau. Nhưng bên cạnh những sự khác biệt về hình thức, có một sự khác biệt lớn hơn mà các nhà nghiên cứu cần lưu tâm: đó là trong chiều sâu của ngữ nghĩa, một số ngôn ngữ cố gắng bám sát logic của thế giới khách quan, trong khi một số khác không lấy đó làm trọng, và không khó tính đối với bản thân mình. Mọi việc trở nên đáng lo ngại hơn khi người ta luôn luôn tìm cách quy những biểu hiện phi logic của tiếng mẹ đẻ về một phạm trù “dân tộc” hay “đặc thù” nào đó, mà không thấy rằng mình đang làm một điều nguy hiểm.

Song, ngôn ngữ cũng giống như bất kì thực thể nào của cuộc sống, ở chỗ nó “động” chứ không “tĩnh”. Và như bất kì hoạt động nào của con người, nó có nhu cầu được hoàn thiện. Trên bình diện lịch sử, người Việt ngày nay sử dụng một thứ tiếng chắc chắn không hoàn toàn giống thứ tiếng mà cha ông của họ đã dùng cách đây 100 năm. Đó chính là điều may mắn đối với những ai quan tâm đến việc bảo vệ sự trong sáng của tiếng Việt.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 04-9-2013; ngày phản biện đánh giá: 04-10-2013; ngày chấp nhận đăng: 20-11-2013)